

Bản án số: 23/2025/HSST
Ngày: 19 - 03 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Minh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đàm Chí Thân và bà Vũ Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Lan - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 03 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**; tên gọi khác: không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 10/8/1991, tại huyện B, tỉnh Hà Nam. Nơi thường trú: thôn P, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Lê Văn L, con bà Lê Thị C. Bị cáo chưa có vợ, chưa có con.

- Tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt ngày 28/12/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

-Chị Hoàng Thị Thu H – sinh năm 1990; địa chỉ: tổ G, khu I, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Anh Trịnh Văn S – sinh năm 1993; địa chỉ: tổ F, khu B, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn xử án vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

-Anh Nguyễn Hồng G – sinh năm 1985; địa chỉ: khu B, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Bà Lê Thị C – sinh năm 1954; địa chỉ: thôn P, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

*** Người làm chứng:**

- Anh Vũ Đình V – sinh năm 1984; địa chỉ: khu H, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Chị Hoàng Thị H1 – sinh năm 1991; địa chỉ: khu F, phường Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T làm nghề sơn bả trần thạch cao, thợ điện dân dụng. Ngày 22/10/2024, T lên mạng xã hội Facebook, thấy chị Hoàng Thị Thu H đăng bài tìm thợ thi công 150m² trần thạch cao, cho công trình sửa chữa nhà của chị Hoàng Thị H1 ở tại nhà số C, ngõ I, phố P, khu F, phường Q, thị xã Q, T nảy sinh ý định nhận thi công trần thạch cao để chiếm đoạt tiền của chị H. Sau đó, T dùng tài khoản zalo “Lão Nông” đăng ký bằng số điện thoại 0814.484.115, nhắn tin, gọi điện đến tài khoản zalo “H” đăng ký bằng số điện thoại 0966.141.222 của chị H, thỏa thuận giá thi công trần thạch cao là 230.000 đồng/m², chị H cho T số điện thoại của anh Trịnh Văn S là giám sát công trình của chị H, T liên hệ với anh S để lấy địa chỉ cụ thể công trình cần thi công.

Sau đó, T lên mạng xã hội Facebook tìm cửa hàng bán tấm trần thạch cao ở địa bàn thị xã Q thì tìm được cửa hàng “Giang Thủy” của anh Nguyễn Hồng G ở khu E, phường N, thị xã Q có bán. Đến khoảng 13 giờ ngày 23/10/2024, T dùng số điện thoại 0816.054.050 gọi cho anh G đặt mua 40 tấm trần thạch cao kích thước 2,4x1,2m, 20 khung xương thạch cao và một số vật tư với giá 10.050.000 đồng, yêu cầu anh G chuyển toàn bộ số vật tư đến nhà chị H1. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, anh G cùng với anh Vũ Đình V chở vật tư đến, T cùng anh G và anh V đưa toàn bộ số vật tư vào nhà chị H1, lúc này không có anh S ở đây, nên T gọi điện video qua ứng dụng Zalo cho chị H, xác nhận việc đã mang vật tư đến, yêu cầu chị H ứng trước số tiền 15.000.000 đồng, chị H đồng ý và chuyển tiền vào tài khoản của T. Sau khi nhận được tiền, T trả lại anh G 20 bộ khung xương thạch cao thanh toán cho anh G số tiền 6.300.000 đồng.

Đến 20 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại cho anh G nói dối do gia đình có việc gấp không thi công được công trình này nữa nên đề nghị trả lại số tấm trần thạch cao đã mua, thì anh G đồng ý. Sau đó, T thuê thêm 02 người (không rõ lai lịch địa chỉ) đi xe ba gác đến nhà chị H1, rồi chuyển toàn bộ số tấm trần thạch cao mang trả cho anh G. Sau khi nhận lại tấm trần thạch cao, anh G trừ 1.000.000 đồng công vận chuyển và hao mòn vật tư, chuyển trả lại cho T 5.300.000 đồng.

Đến khoảng 06 giờ ngày 24/10/2024, đoán anh S, chị H chưa biết việc T lấy lại số vật tư đã chuyển đến, T nảy sinh ý định tiếp tục chiếm đoạt tiền của anh S và chị H. T gọi điện cho anh S đề nghị ứng 1.200.000 đồng để trả tiền lắp giàn giáo, do trước đó biết việc chị H thuê T thi công trần thạch cao nên anh S đồng ý và chuyển tiền cho T. Sau đó, cũng với lý do như trên, T tiếp tục gọi điện cho chị H, xin ứng thêm 1.000.000 đồng, chị H đồng ý và chuyển tiền cho T. Sau khi nhận được tiền, T cắt toàn bộ liên lạc với chị H và anh S.

Tổng số tiền T chiếm đoạt của chị H và anh S là 17.200.000 đồng.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận hành như đã nêu trên.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn T khai nhận: bị cáo lên mạng xã hội Facebook, thấy chị Hoàng Thị Thu H đăng bài tìm thợ thi công trần thạch cao, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị H thông qua việc nhận thi công công trình của chị H. Để chị H và người giám sát thi công công trình là anh S tin tưởng, bị cáo đã tìm, mua và yêu cầu người bán chở vật liệu làm trần thạch cao đến công trình nhà chị H1, sau đó bị cáo gọi điện đề nghị chị H và anh S chuyển tiền, chị H và anh S đã tin tưởng bị cáo, đã chuyển tiền cho bị cáo như cáo trạng mô tả. Chị H đã

chuyển khoản cho bị cáo 02 lần, tổng số tiền là 16.000.000đồng; anh S chuyển khoản cho bị cáo một lần số tiền 1.200.000đồng. Sau khi nhận được tiền của chị H và của anh S bị cáo bỏ trốn. Sau đó biết hành vi của mình vi phạm pháp luật, ngày 28/12/2024 bị cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã Q đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị H và của anh S bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết, bị cáo đã nhờ mẹ là bà Lê Thị C trả tiền bị cáo đã chiếm đoạt cho chị H và anh S.

Bị hại là chị Hoàng Thị Thu H trong quá trình điều tra trình bày: ngày 23/10/2024 chị đăng trên mạng Facebook cần tìm thợ thi công trần thạch cao công trình nhà của chị Hoàng Thị H1 tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Bị cáo T liên lạc với chị qua điện thoại, hai bên đã thỏa thuận thống nhất bị cáo T thi công công trình tại nhà chị H1, bị cáo có yêu cầu chị tạm ứng tiền vật tư nhưng chị yêu cầu khi T chuyển vật liệu đến công trình chị mới chuyển tiền, đến khoảng 17 giờ ngày 23/10/2024 bị cáo T chuyển vật liệu làm trần thạch cao đến công trình là nhà chị H1 nên chị chuyển vào tài khoản của bị cáo số tiền 15.000.000đồng, khoảng 6 giờ ngày 24/10/2024 bị cáo đề nghị tạm ứng tiền thuê giàn giáo, chị chuyển tiếp 1.000.000đồng. Đến khoảng 8 giờ ngày 24/10/2024, anh S là người giám sát công trình nhà chị H1 thông báo cho chị biết việc T đã chuyển hết vật liệu làm trần thạch cao khỏi công trình nhà chị H1, chị liên lạc với bị cáo T nhưng không được, chị đã trình báo sự việc lên cơ quan công an. Chị đã chuyển cho bị cáo T 02 lần tổng số tiền 16.000.000đồng.

Bị hại là anh Trịnh Văn S quá trình điều tra trình bày: anh là người giám sát thi công công trình do công ty của chị Hoàng Thị Thu H thi công, trong đó có công trình nhà của chị H1 tại phường Q, ngày 23/10/2024 bị cáo T đã chỉ dẫn người chở vật liệu làm trần thạch cao đến công trình nhà chị H1, anh kiểm tra chất lượng vật liệu rồi báo lại chị H, sau đó về nhà. Khoảng 6 giờ sáng hôm sau bị cáo gọi điện đề nghị anh tạm ứng tiền thuê giàn giáo, anh tin bị cáo là người làm trần thạch cao nhà chị H1, anh đã chuyển vào tài khoản của bị cáo số tiền 1.200.000đồng, đến 8 giờ cùng ngày anh đến công trình thì thấy không còn vật liệu mà hôm qua bị cáo đã chuyển đến, anh hỏi người thợ khác ở lại công trình thì họ nói số vật liệu này đã được chuyển đi từ tối hôm qua, anh gọi điện báo lại chị H và gọi điện cho bị cáo nhưng không liên lạc được.

Người làm chứng và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hồng G, quá trình điều tra trình bày: anh có cửa hàng kinh doanh bán vật liệu xây dựng trong đó có vật liệu làm trần thạch cao. Khoảng 13 giờ ngày 23/10/2024 anh, bị cáo gọi điện hỏi mua vật liệu làm trần thạch cao, sau khi thỏa thuận giá cả mua bán, anh đã cùng anh V chở vật liệu làm trần thạch cao đến công trình tại khu F, phường Q theo như đề nghị của bị cáo. Giá trị vật liệu anh chở đến công trình là 10.050.000đồng, sau khi anh và anh V chuyển vật liệu đến công trình, đề nghị anh cho nợ tiền nhưng anh không đồng ý, anh và anh V ngồi đợi khoảng 1 tiếng thì bị cáo nói không lấy hết số vật liệu anh chở đến, anh và anh V chuyển một số vật liệu ra xe, số vật liệu còn lại trị giá 6.300.000đồng, bị cáo đã chuyển qua tài khoản trả cho anh. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, bị cáo gọi điện cho anh nói vì gia đình có việc gấp không thể tiếp tục làm công trình đề nghị anh cho trả lại vật

liệu đã mua và hứa tự chở vật liệu đến để anh kiểm tra, anh đồng ý, nhưng vì anh đề nghị bị cáo trừ 1.000.000đồng, tiền anh chở vật liệu đến công trình, bị cáo đồng ý, nên sau khi kiểm tra nhận lại vật liệu anh đã chuyển trả cho bị cáo số tiền 5.300.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị C, tại phiên tòa bà C xác nhận, bà thay mặt bị cáo bồi thường cho chị H và anh S tổng số tiền 17.200.000đồng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền này.

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án ngoài các tài liệu là Đơn tố giác tội phạm của chị Hoàng Thị Thu H, còn lời khai của người làm chứng: anh Vũ Đình V, chị Hoàng Thị H1. Tài liệu nhận dạng đối với bị cáo, tài liệu xác minh tài khoản của bị cáo, của chị Hoàng Thị Thu H, anh Trịnh Văn S, anh Nguyễn Hồng G, tài liệu kiểm tra điện thoại của bị cáo, của anh G, bà Lê Thị C, các tài liệu có nội dung phù hợp nội dung vụ án cáo trạng mô tả.

Tại bản cáo trạng số 1337/CT-VKS-CP ngày 12/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên truy tố Lê Văn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa kiểm sát viên trình bày luận tội bị cáo với đề nghị kết tội bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt; ngoài ra còn có quan điểm bồi thường dân sự và xử lý vật chứng theo quy định.

Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với kết luận của đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng, bị cáo thực sự ăn năn hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn T khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp, thống nhất, phù hợp lời khai của các bị hại, của người làm chứng là anh Nguyễn Hồng G, chị H1, chị C và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Trên cơ sở các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Ngày 23/10/2024, tại khu F, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, Lê Văn T có hành vi gian dối, chiếm đoạt của chị Hoàng Thị Thu H 15.000.000 đồng. Tiếp đến ngày 24/10/2024, Lê Văn T có hành vi gian dối, chiếm đoạt của chị Hoàng Thị Thu H 1.000.000 đồng và của anh Trịnh Văn S 1.200.000 đồng. Tổng số tiền T chiếm

đoạt là 17.200.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Tội danh có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tiền từ 06 tháng đến 03 năm. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân là một trong khách thể được luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ năng lực nhận thức về hành vi cũng như nhận biết được sự nghiêm cấm của pháp luật đối với việc xâm phạm trái phép tài sản của người khác. Nhưng do ý thức chấp hành pháp luật kém, tham lam, tư lợi, bị cáo cố tình phạm tội. Hành vi của bị cáo gây dư luận xấu trong xã hội, gây mất niềm tin trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến uy tín của những người thợ đi làm công trình như bị cáo. Vì vậy cần thiết bắt bị cáo cách ly khỏi xã hội mới đảm bảo tính răn đe và giáo dục.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của chị H nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Đánh giá mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX quyết định mức hình phạt, phù hợp tương xứng.

[6] Về bồi thường dân sự và vật chứng: Bị hại chị Hoàng Thị Thu H và anh Trịnh Văn S đã nhận lại tổng số tiền 17.200.000 đồng, chị H, anh S không yêu cầu, đề nghị gì thêm, nên không đề cập giải quyết.

Chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo, xác định bị cáo đã dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Văn T.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 12 (*Mười hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt: 28/12/2024.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6+, vỏ màu đỏ (đã qua sử dụng, màn hình mặt trước bị vỡ).

(Hiện trạng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 44 ngày 12/02/2025 giữa Cơ quan chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên và Công an thị xã Q.)

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, báo cho bị cáo Lê Văn T, bị hại là chị Nguyễn Thị Thu H2, anh Trịnh Văn S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hồng G, bà Lê Thị C biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; đối với bị cáo và bà Thị C kể từ ngày tuyên án; đối với chị Hoàng Thị Thu H, anh Trịnh Văn S và anh Nguyễn Hồng G kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thị xã Quảng Yên
- CQ CSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh,
- CQTHA hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng PV 06;
- Chi cục THA dân sự thị xã Quảng Yên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Đặng Thị Minh Nga

